

Số: 2157/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, định hướng ứng dụng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-ĐHTCM ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo định hướng ứng dụng trình độ đại học của Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-ĐHTCM ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc không áp dụng cơ chế đặc thù đối với các chương trình đào tạo thuộc Ngành Hệ thống thông tin quản lý;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 16 tháng 6 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học, Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng khoa Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Hệ thống thông tin quản lý (chương trình chuẩn), định hướng ứng dụng.

Điều 2. Chương trình đào tạo quy định tại Điều 1 được áp dụng, thực hiện cho các khóa tuyển sinh từ năm 2022, thay cho chương trình đào tạo Ngành Hệ thống thông tin quản lý được ban hành kèm theo Quyết định số 1944/QĐ-ĐHTCM ngày 28 tháng 9 năm 2021.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Công nghệ thông tin và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKH.



PGS.TS Phạm Tiến Đạt

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2157/QĐ-ĐHTCM, ngày 30 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

- Tên chương trình (tiếng Việt): Hệ thống thông tin quản lý
- Tên chương trình (tiếng Anh): Management Information Systems
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý Mã ngành: 7340405
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội. Người học được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế – xã hội, quản lý, kinh doanh; có kiến thức tổng quát về các hệ thống thông tin trong các tổ chức, có năng lực ứng dụng, phân tích, đánh giá các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết các vấn đề kinh doanh, quản lý trong thực tiễn; đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực thích ứng với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

1.2 Mục tiêu cụ thể:

+ Về kiến thức

- PO1: Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị, kinh tế, kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin và quản trị hệ thống thông tin để có thể tiếp thu kiến thức giáo dục nghề nghiệp và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

- PO2: Có kiến thức tổng quát về sự phối hợp giữa các yếu tố công nghệ, quản trị và con người trong một hệ thống thông tin quản lý, vận dụng các hệ thống thông tin quản lý trong việc giải quyết các vấn đề quản lý, quản trị của tổ chức.

- PO3: Có kiến thức chuyên sâu về phát triển, quản trị hệ thống thông tin và ngôn ngữ lập trình để vận dụng vào lĩnh vực tư vấn giải pháp, thiết kế, vận hành hệ thống thông tin trong tổ chức, doanh nghiệp.

+ Về kỹ năng:

- PO4: Phát triển được năng lực ngoại ngữ, kỹ năng mềm cần thiết để triển khai các hệ thống thông tin trong tổ chức, doanh nghiệp.

- PO5: Có khả năng sử dụng các phương pháp, công cụ, nghiệp vụ phù hợp của ngành Hệ thống thông tin quản lý để có thể giải quyết các công việc chuyên môn trong thực tiễn.

+ Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- PO6: Có ý thức về đạo đức, trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp, cũng như

ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia, phát triển được năng lực và phẩm chất cá nhân, trách nhiệm xã hội.

- PO7: Có khả năng tự chủ trong việc tiếp cận, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc khác nhau, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của bản thân

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận các vị trí công việc như: chuyên viên triển khai dự án, lập trình viên, chuyên viên quản trị hệ thống thông tin, chuyên viên quản trị cơ sở dữ liệu, chuyên viên phụ trách quản lý thanh toán điện tử, chuyên viên vận hành ngân hàng điện tử, chuyên viên phụ trách thanh quyết toán thuế điện tử và chữ ký số, chuyên viên phòng kế toán tại các tổ chức, doanh nghiệp.

Sau thời gian tích lũy kinh nghiệm có thể đảm nhiệm các vị trí như chuyên viên phân tích nghiệp vụ kinh doanh, chuyên viên phân tích hệ thống, chuyên viên phân tích dữ liệu, lập trình viên cao cấp, quản lý dự án, trưởng phòng công nghệ thông tin. Bên cạnh đó sinh viên sẽ có triển vọng để đảm nhiệm vị trí cấp cao như Giám đốc thông tin (Chief Information Officer - CIO) ở các tổ chức, doanh nghiệp.

Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp tục học nâng cao trình độ ở các bậc sau đại học để làm công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA:

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

3.1 Chuẩn đầu ra của Chuyên ngành Tin học quản lý

+ Về kiến thức

- PLO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành.

- PLO2: Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản phục vụ công việc thuộc ngành được đào tạo.

- PLO3: Phân tích và đánh giá được các qui trình vận hành của một tổ chức, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, và các hoạt động liên quan để đưa ra các phương thức phù hợp thực hiện công việc, thông qua vận dụng kiến thức chuyên ngành tin học quản lý.

- PLO4: Đề xuất được các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết các bài toán liên quan đến các hoạt động quản lý trong thực tiễn.

+ Về kỹ năng:

- PLO5: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức cơ sở ngành trong việc đánh giá, phản biện các vấn đề trong công việc.

- PLO6: Sử dụng tiếng Anh thành thạo đạt trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- PLO7: Kết hợp thành thạo các kỹ năng lập trình, công cụ phần mềm để lập phương án tư vấn, phân tích, thiết kế, triển khai, bảo trì hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp.

- PLO8: Kết hợp thành thạo các kỹ năng thuyết trình, phản biện, tổng hợp, đánh giá các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng tổ chức, làm việc theo nhóm. Ứng dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ vào công việc nghề nghiệp

+ Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- PLO9: Có niềm tin, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- PLO10: Có thể làm việc độc lập, hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

3.2 Chuẩn đầu ra của Chuyên ngành Hệ thống thông tin kế toán

+ Về kiến thức

- PLO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành.

- PLO2: Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản phục vụ công việc thuộc ngành được đào tạo.

- PLO3: Phân tích và Đánh giá được các qui trình vận hành của một tổ chức, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin, và các hoạt động chức năng liên quan để đưa ra các phương thức phù hợp thực hiện công việc, thông qua vận dụng kiến thức ngành chuyên ngành hệ thống thông tin kế toán.

- PLO4: Đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết các bài toán liên quan đến các lĩnh vực kế toán trong thực tiễn.

+ Về kỹ năng:

- PLO5: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức cơ sở ngành trong việc đánh giá, phản biện các vấn đề trong công việc.

- PLO6: Sử dụng tiếng Anh thành thạo đạt trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- PLO7: Kết hợp thành thạo các kỹ năng lập trình, công cụ phần mềm để lập phương án tư vấn, phân tích, thiết kế, triển khai, bảo trì hệ thống thông tin kế toán cho tổ chức, doanh nghiệp.

- PLO8: Kết hợp thành thạo các kỹ năng thuyết trình, phản biện, tổng hợp, đánh giá các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng tổ chức, làm việc theo nhóm. Ứng dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ vào công việc nghề nghiệp

+ Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- PLO9: Có niềm tin, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- PLO10: Có thể làm việc độc lập, hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay

đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian đào tạo: 4 năm. Thời gian học tập tối đa: 7 năm.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 120 tín chỉ, không kể chương trình Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

6.1 Quy trình đào tạo: đào tạo theo tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

6.2 Địa điểm đào tạo: Các cơ sở đào tạo thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing

6.3 Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): Không

6.4 Điều kiện tốt nghiệp:

- **Điều kiện về tích lũy và điểm các học phần:** Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ và Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08/8/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM và Quyết định số 1351/QĐ-ĐHTCM ngày 26/7/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học.

- Điều kiện về kỹ năng mềm:

Sinh viên phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (hoặc điểm đạt) tích lũy 3/6 kỹ năng mềm sau đây:

- Kỹ năng Tư duy sáng tạo
- Kỹ năng Tổ chức công việc và quản lý thời gian
- Kỹ năng Thuyết trình hiệu quả
- Kỹ năng Giao tiếp trong môi trường làm việc
- Kỹ năng Hoạch định nghề nghiệp và tìm việc làm
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định

- Điều kiện về ngoại ngữ:

Năm tuyển sinh	KNLNN 6 bậc Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS	TOFEL (PBT/CBT/iBT)	TOEIC	
					02 kỹ năng	04 kỹ năng
2022, 2023	3/6	B1	4.5	477/153/53	Nghe & Đọc: 500	Nghe & Đọc: 500 Nói & Viết: 220
2024, 2025	3/6	B1	5.0	500/173/61	Nghe & Đọc: 550	Nghe & Đọc: 550 Nói & Viết: 240

7. TUYỂN SINH:

7.1 Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

7.2 Điều kiện tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM

Theo Quyết định số 3477/QQĐ-ĐHTCM ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy chế Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

9.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
a. Kiến thức lý luận chính trị: 11 tín chỉ									
1	011134	Triết học Mác – Lênin	3	2	1	0	0	105	
2	011135	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	1	1	0	0	70	
3	011136	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	1	0	0	70	
4	011137	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1	1	0	0	70	
5	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1	0	0	70	
b. Kiến thức pháp luật: 3 tín chỉ									
6	010637	Pháp luật đại cương	3	2	1	0	0	105	
c. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ									
7	011270	Tiếng Anh tổng quát 1	3	2	1	0	0	105	
8	011271	Tiếng Anh tổng quát 2	3	2	1	0	0	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
9	011272	Tiếng Anh tổng quát 3	3	2	1	0	0	105	
10	011273	Tiếng Anh tổng quát 4	3	2	1	0	0	105	
d. Toán – Tin học: 8 tín chỉ									
11	010025	Toán cao cấp	4	3	1	0	0	140	
12	011322	Tin học ứng dụng	4	1	2	0	1	125	
e. Chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)									
f. Chương trình Giáo dục thể chất: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)									

9.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 80 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
a. Kiến thức cơ sở ngành: 24 tín chỉ									
13	010031	Kinh tế vi mô 1	3	2	1	0	0	105	
14	010032	Kinh tế vĩ mô 1	3	2	1	0	0	105	
15	010038	Nguyên lý kế toán	3	2	1	0	0	105	
16	010043	Toán rời rạc	3	2	1	0	0	105	
17	010630	Nguyên lý marketing	3	2	1	0	0	105	
18	010033	Quản trị học	3	2	1	0	0	105	
19	010873	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3	2	1	0	0	105	
20	011140	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3	2	1	0	0	105	
b. Kiến thức ngành: 26 tín chỉ									
Học phần bắt buộc									
21	011708	Hệ thống thông tin quản lý	3	2	1	0	0	105	
22	010069	Cơ sở lập trình	3	2	0	0	1	90	
23	010070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	0	0	1	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
24	011707	Cơ sở dữ liệu	3	2	1	0	0	105	
25	011691	Mạng máy tính và truyền thông	2	1	0	0	1	55	
26	011643	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	2	0	0	1	90	
27	010648	An toàn thông tin	3	2	0	0	1	90	
28	010591	Điện toán đám mây	3	2	0	0	1	90	
29	011692	Phân tích nghiệp vụ	3	2	1	0	0	105	
c. Kiến thức chuyên ngành: 25 tín chỉ									
❖ Chuyên ngành 1 (Tín học quản lý)									
Học phần bắt buộc									
30	011693	Lập trình C#.NET cơ bản	2	2	0	0	0	70	
31	011694	Lập trình C#.NET nâng cao	2	1	0	0	1	55	
32	010580	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	2	0	0	1	90	
33	010688	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu SQL Server	3	2	0	0	1	90	
34	011660	Thực hành nghề nghiệp	3	0	0	0	3	0	
Học phần tự chọn: Chọn một trong hai nhóm									
35	010588	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	2	0	0	1	90	Nhóm 1
36	011695	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng	3	2	0	0	1	90	
37	010592	Khai phá dữ liệu	3	2	0	0	1	90	
38	010685	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	2	0	0	1	90	
39	010585	Lập trình Java	3	2	0	0	1	90	Nhóm 2
40	010720	Lập trình trên thiết bị di động	3	2	0	0	1	90	
41	011696	Lập trình Web cơ bản	3	2	0	0	1	90	
42	011697	Lập trình Web nâng cao	3	2	0	0	1	90	
❖ Chuyên ngành 2 (Hệ thống thông tin kế toán)									
Học phần bắt buộc									
43	011698	Kế toán máy 1	2	1	0	0	1	55	
44	011699	Kế toán máy 2	2	1	0	0	1	55	
45	010697	Kế toán tài chính 1	3	2	1	0	0	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
46	011700	Lập trình Kế toán cơ bản	3	2	0	0	1	90	
47	011702	Lập trình Kế toán nâng cao	3	2	0	0	1	90	
48	011701	Hệ thống thông tin kế toán (CNTT)	3	2	0	0	1	90	
49	010688	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server	3	2	0	0	1	90	
50	011648	Thực hành nghề nghiệp	3	0	0	0	3	0	
Học phần tự chọn: Chọn 1 HP trong nhóm									
51	011695	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng	3	2	0	0	1	90	Tự chọn
52	010588	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	2	0	0	1	90	
d. Kiến thức bổ trợ: Sinh viên chọn 2 học phần, 01 học phần nhóm 1 và 01 học phần nhóm 2. Trong đó, sinh viên thuộc chuyên ngành Tin học quản lý không chọn học phần Hệ thống hoạch định doanh nghiệp.									
53	011710	Phân tích dữ liệu	3	2	0	0	1	90	Nhóm 1
54	011703	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu Oracle	3	2	0	0	1	90	
55	011650	Kiểm thử phần mềm	3	2	0	0	1	90	
56	011649	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3	2	0	0	1	90	
57	010580	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	2	0	0	1	90	
58	011656	Thương mại điện tử	2	2	0	0	0	70	Nhóm 2
59	011711	Chuyển đổi số	2	2	0	0	0	70	

9.3 Tốt nghiệp: 6 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, MP, DN	Tự học (giờ)	
60	011704	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	0	6	0	

Hoặc									
61	011705	Thực tập cuối khóa	3	0	0	0	3	0	
<i>Học phần thay thế</i>									
62	011709	Phát triển ứng dụng Web	3	0	0	0	3	60	

9.4 Kế hoạch giảng dạy:

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Toán cao cấp	4		
2	Tin học ứng dụng	4		Phòng máy
3	Cơ sở lập trình	3		Phòng máy
4	Toán rời rạc	3	Toán cao cấp, Cơ sở lập trình	
5	Kinh tế vi mô 1	3		
6	Triết học Mác - Lênin	3		
7	Tiếng Anh tổng quát 1	3		
8	Kinh tế vĩ mô 1	3	Kinh tế vi mô 1	
9	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	Cơ sở lập trình	Phòng máy
10	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3	Toán cao cấp	
11	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Triết học Mác - Lênin	
12	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	
13	Giáo dục thể chất (theo kế hoạch của trường)			
14	Giáo dục quốc phòng (theo kế hoạch của trường)			

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2	Nguyên lý kế toán	3		
3	Quản trị học	3		
4	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3	Kinh tế vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1	
5	Nguyên lý Marketing	3		
6	Tiếng Anh tổng quát 2	3	Tiếng Anh tổng quát 1	
7	Cơ sở dữ liệu	3	Tin học ứng dụng	Phòng máy
8	Tiếng Anh tổng quát 3	3	Tiếng Anh tổng quát 2	
9	Pháp luật đại cương	3		
10	Hệ thống thông tin quản lý	3	Tin học ứng dụng	Phòng máy
11	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
12	Giáo dục thể chất (theo kế hoạch của trường)			
13	Giáo dục quốc phòng (theo kế hoạch của trường)			

Năm 3

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Tiếng Anh tổng quát 4	3	Tiếng Anh tổng quát 3	
2	Mạng và truyền thông	2	Tin học ứng dụng	Phòng máy
3	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý	Phòng máy
4	Phân tích nghiệp vụ	3	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Phòng máy
Chuyên ngành Tin học quản lý				
Học phần bắt buộc				
5	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	Hệ thống thông tin quản lý	Phòng máy
6	Lập trình C#.NET cơ bản	2	Cơ sở lập trình, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Phòng máy
7	Lập trình C#.NET nâng cao	2	Lập trình C#.NET cơ bản, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Phòng máy
8	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu SQL Server	3	Cơ sở dữ liệu	Phòng máy
9	Thực hành nghề nghiệp	3	Các học phần cơ sở ngành	
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 nhóm)				
Nhóm 1				
10a	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	Cơ sở dữ liệu	Phòng máy
11a	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng	3	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Phòng máy
12a	Khai phá dữ liệu	3	Cơ sở dữ liệu	Phòng máy
13a	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	Cơ sở dữ liệu	Phòng máy
Nhóm 2				
10b	Lập trình Java	3	Lập trình C#.NET nâng cao, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Phòng máy
11b	Lập trình trên thiết bị di động	3	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Cơ sở dữ liệu	Phòng máy
12b	Lập trình Web cơ bản	3	Cấu trúc dữ liệu & giải thuật	Phòng máy
13b	Lập trình Web nâng cao	3	Lập trình Web cơ bản	Phòng máy
Chuyên ngành Hệ thống thông tin kế toán				

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
Học phần bắt buộc				
1	Kế toán máy 1	2	Nguyên lý kế toán	Phòng máy
2	Kế toán máy 2	2	Kế toán máy 1	
3	Lập trình Kế toán cơ bản	3	Nguyên lý kế toán, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Phòng máy
4	Hệ thống thông tin kế toán (CNTT)	3	Nguyên lý kế toán, Cơ sở dữ liệu	Phòng máy
5	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server	3	Cơ sở dữ liệu	Phòng máy
6	Kế toán tài chính 1	3	Nguyên lý kế toán	
7	Lập trình Kế toán nâng cao	3	Lập trình Kế toán cơ bản, Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu SQL Server	
8	Thực hành nghề nghiệp	3	Các học phần cơ sở ngành	
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 HP)				
9	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	Cơ sở dữ liệu	Phòng máy
	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng	3	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Phòng máy

Năm 4

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Điện toán đám mây	3	Mạng và truyền thông	
2	An toàn thông tin	3	Mạng và truyền thông	
Học phần bổ trợ: chọn 5 tín chỉ				
3	Phân tích dữ liệu	3	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Chọn 1 học phần trong nhóm
	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu Oracle	3	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server	
	Kiểm thử phần mềm	3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu SQL Server	
	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3	Hệ thống thông tin quản lý	
	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	Hệ thống thông tin quản lý	
	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng	3	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	
4	Thương mại điện tử	2	Cơ sở dữ liệu, Mạng và truyền thông	Chọn 1 học phần trong nhóm
	Chuyển đổi số	2	Quản trị học	
5	Khóa luận tốt nghiệp	6	Đã hoàn thành các học phần ngành và chuyên ngành	
Hoặc				

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
6	Thực tập cuối khóa	3	Đã hoàn thành các học phần ngành và chuyên ngành	
<i>Học phần thay thế</i>				
7	Phát triển ứng dụng Web	3	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Phòng máy

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1 Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

❖ Tổ chức thực hiện đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm 2022, được đào tạo theo phương thức tín chỉ.

Các phòng ban chức năng:

- Phòng Quản lý đào tạo (QLĐT) chịu trách nhiệm triển khai đào tạo theo kế hoạch đào tạo theo từng năm/học kỳ.
- Phối hợp cùng Khoa chuyên môn quản lý sinh viên, đảm bảo cơ sở vật chất, môi trường học tập, nề nếp tác phong... để phục vụ mục tiêu giảng dạy.
- Tổ chức thi đánh giá kết quả giảng dạy và học tập.

Khoa chuyên môn:

Chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy các học phần và hướng dẫn luận sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp hoặc báo cáo thực tập, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chi tiết học phần. Đối với những học phần tự chọn, tùy theo tình hình thực tiễn Khoa chuyên môn sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn học phần phù hợp.

Sinh viên:

- Sinh viên chủ động thiết lập thời khóa biểu, tiến trình học tập của bản thân dưới sự hướng dẫn của Giảng viên cố vấn học tập.
- Trong khóa học, sinh viên được cung cấp kiến thức và các kỹ năng theo nội dung học phần tại lớp học, phòng thực hành ngôn ngữ của cơ sở đào tạo, được nghiên cứu tài liệu liên quan nội dung môn học tại hệ thống thư viện của Trường. Sinh viên đi thực tập, thực tế tại các cơ quan có công việc liên quan đến chuyên ngành đào tạo và viết khóa luận tốt nghiệp hoặc báo cáo thực tập.

Giảng viên:

- Xây dựng lịch trình giảng dạy, nghiên cứu, thảo luận nội dung học phần được phân công giảng dạy.
- Xây dựng hệ thống bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài tập tại lớp và làm thêm.
- Cung cấp và cập nhật, đổi mới bài giảng.
- Thực hiện việc giảng dạy, tư vấn và kiểm tra đôn đốc việc học tập, nghiên cứu của sinh viên.
- Tổ chức đánh giá kết quả học tập cho sinh viên theo các tiêu chí quy định trong đề

cương học phần.

- Thực hiện hoạt động giảng dạy, sử dụng các phương pháp sư phạm hiện đại: thuyết giảng, thảo luận nhóm, viết tiểu luận, bài tập thực hành, tổ chức các hoạt cảnh, tình huống sử dụng ngôn ngữ, đi thực tế.

- Nâng cao tính chủ động sáng tạo của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu

❖ Phương pháp giảng dạy – học tập

Tùy theo đặc điểm của từng môn học, giảng viên có thể chọn và kết hợp các phương pháp dạy – học chủ đạo sau đây:

+ Thuyết giảng: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

+ Tranh luận/giải quyết tình huống: Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

+ Thảo luận theo cặp/nhóm: Là phương pháp dạy học theo hướng coi người học là chủ thể của hoạt động. Giảng viên nêu vấn đề, sinh viên thảo luận theo cặp/nhóm để tìm ra đáp án trên cơ sở lắng nghe, thảo luận và chia sẻ ý kiến nhằm phát triển tính chủ động, tích cực, và sáng tạo trong sinh viên.

10.2 Đảm bảo chất lượng đào tạo

❖ Cơ sở vật chất, công nghệ, trang thiết bị phục vụ giảng dạy

STT	Tên	Mục đích sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Thiết bị trong phòng	Hình thức sử dụng		
					Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng học số 1 Địa chỉ: 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Giảng dạy cho các học phần lý thuyết	11.451	Máy chiếu, loa, micro, bảng	11.451		
2	Phòng học số 2 Địa chỉ: B2/1A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Giảng dạy cho các học phần lý thuyết	16.275	Máy chiếu, loa, micro, bảng	16.275		
3	Phòng thực hành số 1 (03 phòng lab): Địa chỉ: 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP. Hồ	Phục vụ giảng dạy thực hành, luyện Nghe – Nói qua các tình huống mô	200	Máy chiếu, máy tính có kết nối Internet, loa, micro, bảng	200		

STT	Tên	Mục đích sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Thiết bị trong phòng	Hình thức sử dụng		
					Sở hữu	Liên kết	Thuê
	Chí Minh	phòng					
4	Phòng thực hành số 2 (04 phòng tin học): 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Phục vụ thực hành tin học	350	Máy chiếu, máy tính có kết nối Internet, loa, micro, bảng	350		
5	Phòng thực hành số 3 (10 phòng tin học): B2/1A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Phục vụ thực hành tin học	1000	Máy chiếu, máy tính có kết nối Internet, loa, micro, bảng	1000		
6	Nhà tập đa năng (4)	Tập luyện thể thao	2.765		2.765		
7	Hội trường (6)	Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện	2.771,3		2.771,3		
8	Thư viện (3)	Phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH	2.417		2.417		
9	Các phòng chức năng khác (42)	Phòng GV; phòng GS, PGS; phòng đa năng	2.136		2.136		

❖ Thư viện

Danh sách giáo trình, tài liệu tham khảo sử dụng trong chương trình đào tạo

- Tổng diện tích thư viện: 2.080 m², trong đó có 1.300 m² là diện tích phòng đọc. Thư viện được đặt tại các cơ sở:
 - o Cơ sở 1: 27 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7.
 - o Cơ sở 2: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Phú Nhuận.
 - o Cơ sở 3: B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức.
- Phần mềm quản lý thư viện: PSC Zlis 7.0.
- Đã có thư viện điện tử, đã kết nối với các cổng thông tin điện tử như:
 - o Cổng thông tin Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ.
 - o Cơ sở dữ liệu sách điện tử IGP.
 - o Cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu quốc gia.
 - o Ebooks của Nhà xuất bản Tổng hợp.

- Cơ sở dữ liệu điện tử Proquest.
- Tài liệu thuê quyền truy cập từ Nhà xuất bản Tổng hợp: 300

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số phòng đọc	5
2	Số chỗ ngồi đọc	300
3	Số máy tính của thư viện phục vụ tra cứu	101
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	21.177
4.1	Tài liệu dạng in	
4.1.1	Sách	17.235 tựa/ 56.434 bản
4.1.2	Luận văn Thạc sĩ	2.417
4.1.3	Chuyên đề tốt nghiệp	1.480
4.1.4	Báo - tạp chí	10 tựa báo, 31 tựa tạp chí và bản tin
4.2	Tài liệu điện tử	
4.2.1	Luận văn Thạc sĩ	2.207
4.2.2	Bài trích Báo – Tạp chí	411
4.2.3	Chuyên đề tốt nghiệp	99
4.2.4	Sách, tài liệu nghiên cứu khoa học	167
4.2.5	Cơ sở dữ liệu	Nasati (Gói dữ liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia)
		Emerald
		Sage
		Bộ Dữ liệu Kinh tế - Tài chính - Vĩ mô (FiinPro)
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	2

❖ Học liệu

Danh sách giáo trình, tài liệu tham khảo sử dụng trong chương trình đào tạo

STT	Tên giáo trình/Tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Tài liệu học tập học phần CNXHKH (dành cho chương trình chất lượng cao)	TS. Phạm Lê Quang, Th.S. Bùi Minh nghĩa	Lưu hành nội bộ	2020	Chủ nghĩa xã hội khoa học
3	Slide bài giảng học phần CNXHKH	Bộ môn Mác – Lênin, trường Đại học Tài chính - Marketing	Lưu hành nội bộ	2022	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc	Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2018	Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, (bổ sung và phát triển)	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb. Sự Thật, Hà Nội	2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học
6	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2010	Chủ nghĩa xã hội khoa học
7	Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới	GS. TS. Phùng Hữu Phú, GS.TS Lê Hữu Nghĩa, GS.TS. Vũ Văn Hiến, PGS.TS Nguyễn Viết Thông...	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2018	Chủ nghĩa xã hội khoa học
8	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2022	Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Tên giáo trình/Tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
9	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
10	C.Mác và Ph.Ăngghen	C.Mác và	Nxb. Chính trị	1999	Kinh tế chính trị

STT	Tên giáo trình/Tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	: Toàn tập	Ph.Ăngghen	Quốc gia, Hà Nội		Mác – Lênin
11	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
12	Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Klaus Schwab (Bộ ngoại giao dịch và hiệu đính)	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội	2018	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
13	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội	2022	Triết học Mác – Lênin
14	Tài liệu học tập Triết học Mác-Lênin	Trường Đại học tài chính-Marketing	Lưu hành nội bộ	2020	Triết học Mác – Lênin
15	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội	2022	Triết học Mác – Lênin
16	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội,	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
17	Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Lưu hành nội bộ	2020	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
18	Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2018	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
19	Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập I, II và III)	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2007	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
20	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2006	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
21	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
22	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	Tên giáo trình/Tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	không chuyên lý luận chính trị)				
23	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Lưu hành nội bộ	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
24	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb. Chính trị quốc gia	2017	Tư tưởng Hồ Chí Minh
25	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Nxb. Chính trị quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh
26	Hồ Chí Minh toàn tập tập 1 – 15		Nxb. Chính trị quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh
27	Hồ Chí Minh – Tiểu sử	GS Song Thành (Chủ biên)	Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội	2006	Tư tưởng Hồ Chí Minh
28	Hướng dẫn tự học Kinh tế vi mô	Nhóm tác giả Bộ môn Kinh tế học, Trường Đại học Tài chính - Marketing	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2018	Kinh Tế Vi Mô 1
29	Giáo trình Kinh tế vĩ mô	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (chủ biên)	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2022	Kinh Tế Vĩ Mô 1
30	Kinh tế học vĩ mô (Khoa Kinh Tế trường ĐH Kinh Tế TP.HCM dịch)	N. Gregory Mankiw	Hồng Đức	2019	Kinh Tế Vĩ Mô 1
31	Hướng dẫn tự học Kinh tế vĩ mô	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (chủ biên)	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2018	Kinh Tế Vĩ Mô 1
32	Bài giảng Lý thuyết Xác suất và Thống kê	Dương Thị Phương Liên (chủ biên)	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2015	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
33	Giáo trình Lý thuyết xác suất và Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn (chủ biên)	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
34	Bài giảng Kinh Tế Lượng	Nhóm tác giả Bộ môn Toán, Trường Đại học Tài chính - Marketing	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2013	Kinh Tế Lượng

STT	Tên giáo trình/Tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
35	Basic Econometrics, 3rd edition. (Ấn bản lần 3 do Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright biên dịch)	Damodar N. Gujarati	McGraw-Hill International	1995	Kinh Tế Lượng
36	Toán cơ sở cho kinh tế	Nguyễn Huy Hoàng (chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2014	Toán cao cấp
37	Bài giảng Toán dành cho Kinh tế và Quản trị	Nguyễn Huy Hoàng (chủ biên)	Trường Đại học Tài Chính – Marketing		Toán cao cấp
38	Giáo trình Toán cao cấp	Nguyễn Huy Hoàng (chủ biên)	Nhà xuất bản Tài chính	2019	Toán cao cấp
39	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	Nguyễn Huy Hoàng (chủ biên)	Nhà xuất bản Tài chính	2021	Toán cao cấp
40	Personal Best B1+(A)	Burton, G.	Richmond	2017	Tiếng Anh tổng quát 1
41	Personal Best B1+(B)	Burton, G.	Richmond	2017	Tiếng Anh tổng quát 2
42	Business Partner A2+	Margaret O., Iwonna D., Marjorie R.	Pearson	2019	Tiếng Anh tổng quát 3, 4
43	Nguyên lý kế toán	Ngô Thị Mỹ-Thúy và cộng sự	NXB Tài chính	2022	Nguyên lý kế toán
44	Bài tập Nguyên lý kế toán	Khoa KTKT	Tài liệu học tập Trường ĐH Tài chính Marketing	2020	Nguyên lý kế toán
45	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị và cộng sự	NXB Tài chính	2018	Nguyên lý kế toán
46	Nguyên lý kế toán	Vũ Hữu Đức và cộng sự	NXB Kinh tế	2020	Nguyên lý kế toán
47	Marketing căn bản	Ngô Thị Thu (chủ biên) và cộng sự	Lao động xã hội	2011	Nguyên lý Marketing
48	Nguyên lý Marketing	Ngô Thị Thu và cộng sự	Lưu hành nội bộ	2020	Nguyên lý Marketing
49	Principles of marketing	Kotler, P., & Armstrong, G.	Pearson	2021	Nguyên lý Marketing
50	Quản trị học	Cảnh Chí Hoàng	Lưu hành nội bộ	2021	Quản trị học
51	Fundamentals of Management	Ricky Griffin	South-Western Cengage Learning.	2018	Quản trị học

STT	Tên giáo trình/Tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
52	Quản trị học	Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Nxb Kinh tế TP Hồ Chí Minh.	2015	Quản trị học
53	Những cốt yếu của quản lý	Harold Koontz và cộng sự	Nxb Khoa học Kỹ thuật Hà Nội.	1998	Quản trị học
54	Quản trị học	Phan Thăng & Nguyễn Thanh Hội	Nxb Hồng Đức.	2012	Quản trị học
55	Bài giảng Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán	Bộ môn Toán – Thống kê, Trường ĐH Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2013	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
56	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	Đại học Quốc gia Hà nội	2006	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
57	Thống kê và ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	Giáo dục	1999	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
58	Bài tập xác suất và Thống kê Toán học	Nguyễn Đình Cử, Trương Diêu	Đại học Kinh tế quốc dân	1992	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
59	Lý thuyết xác suất và Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	Khoa học Kỹ thuật	1996	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
60	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	Bộ môn Luật, Trường ĐH Tài chính- Marketing		2018	Pháp luật đại cương
61	Giáo trình “Lý luận về nhà nước và pháp luật”	Trường Đại học Luật Hà Nội	CAND	2021	Pháp luật đại cương
62	Giáo trình “Pháp luật đại cương”	Lê Minh Toàn	CTQG Sự thật	2022	Pháp luật đại cương
63	Giáo trình “Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Nguyễn Minh Đoan	CTQG Sự thật	2020	Pháp luật đại cương
64	Principles of Information Systems 14th Edition	Ralph Stair, George Reynold	Cengage	2020	Hệ thống thông tin quản lý
65	Bài giảng Hệ thống thông tin quản lý	Lâm Hoàng. Trúc Mai	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2018	Hệ thống thông tin quản lý
66	Tập bài giảng Cơ sở lập trình	Nhóm GV Khoa CNTT	Khoa CNTT Lưu hành nội		Cơ sở lập trình

STT	Tên giáo trình/Tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
			bộ		
67	C: The Complete Reference (4th Edt)	Herbert Schildt	Osborne / McGraw-Hill.	2017	Cơ sở lập trình
68	C Programming in easy steps (5th Edt)	Mike McGrath	In Easy Steps Limited	2018	Cơ sở lập trình
69	Tài liệu học tập Toán rời rạc	Nguyễn Quốc Thanh, Vũ Thị Thanh Hương	Khoa CNTT	2021	Toán rời rạc
70	Discrete Mathematics and Its Applications, 8th Edition	Kenneth H. Rosen	McGraw-Hill	2018	Toán rời rạc
71	Essential Discrete Mathematics for Computer Science	Harry Lewis and Rachel Zax	Princeton University Press		Toán rời rạc
72	Discrete Mathematics	Oscar Levin	CreateSpace Publishing	2016	Toán rời rạc
73	Giáo trình Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Phạm Thủy Tú, Trương Xuân Hương & Lâm Hoàng Trúc Mai	Khoa CNTT	2021	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
74	Problem Solving in Data Structure & Algorithms Using C	Hemant Jain	Bhopal (India)	2017	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
75	A Common-Sense Guide to Data Structures and Algorithms, Second Edition: Level Up Your Core Programming Skills (2nd Edition)	Jay, W.	Pragmatic Bookshelf	2020	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
76	Bài giảng môn Cơ sở dữ liệu	Trần Minh Tùng, Trần Thanh San	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2019	Cơ sở dữ liệu
77	Giáo trình Cơ sở dữ liệu	Đồng Thị Bích Thủy, Nguyễn Trần Minh Thư, Phạm Thị Bạch Huệ	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật	2015	Cơ sở dữ liệu
78	SQL and Relational Theory	C.J.Date	O'Reilly Media	2015	Cơ sở dữ liệu
79	System Analysis and Design	Alan Dennis, Barabara Haley Wixom	Wiley	2015	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin
80	Essentials of Systems Analysis and Design	Joseph Valacich, Joey George, Jeffrey A. Hoffer	Peason	2014	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin

STT	Tên giáo trình/Tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
81	Giáo trình Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Phạm Thủy Tú	Khoa CNTT	2022	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin
82	Tài liệu học tập An toàn Thông tin	Võ Xuân Thê	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2018	An toàn thông tin
83	Giáo trình Điện Toán Đám Mây	Tôn Thất Hòa An	UFM	2020	Điện toán đám mây
84	Cloud Computing – A Practical Approach.	Velte, A. T., Velte, T. J., & Elsenpeter R.	USA: The McGraw-Hill.	2010	Điện toán đám mây
85	Cloud Computing - Principles, Systems and Applications	Antonopoulos, N., & Gillam, L.	UK: Springer-Verlag London Limited	2010	Điện toán đám mây
86	Tập bài giảng kế toán máy	Nhóm GV Khoa CNTT	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ		Kế toán máy 1, Kế toán máy 2
87	Beginning C# 7 Programming with Visual Studio 2017	Benjamin Perkins, Jacob Vibe Hammer, Jon D. Reid	Wiley	2018	Lập trình kế toán cơ bản, nâng cao
88	Visual C# and Databases: A Step-By-Step Database Programming Tutorial	Philip Conrod, Lou Tylee	Kidware Software	2017	Lập trình kế toán cơ bản, nâng cao
89	Tập bài giảng Lập trình kế toán	Nhóm GV Khoa CNTT	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ		Lập trình kế toán cơ bản, nâng cao
90	.NET toàn tập: Tập 5, Lập trình Web dùng ASP.NET và C#	Dương Quang Thiện	NXB Tổng hợp Tp.HCM	2018	Lập trình Web cơ bản, nâng cao
91	Pro ASP.NET 5 MVC6	Adam Freeman	Apress Publishing	2018	Lập trình Web cơ bản, nâng cao
92	Bài giảng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server	Trần Minh Tùng, Trần Thanh San	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2019	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server
93	Introducing Microsoft SQL Server 2016	Stacia Varga, Denny Cherry, Joswph D'Antoni	Microsoft Press	2016	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server
94	T-SQL Fundamentals	Itzik Ben-Gan	Microsoft Press	2016	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server
95	Bài giảng kế toán tài chính 1	Dương Hoàng Ngọc Khuê, Phạm Huỳnh Lan Vi	Khoa Kế toán Lưu hành nội bộ	2019	Kế toán tài chính 1

STT	Tên giáo trình/Tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
97	Tài liệu học tập Hệ thống thông tin kế toán	Huỳnh Ngọc Thành Trung	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2019	Hệ thống thông tin kế toán (CNTT)
98	Hệ thống thông tin kế toán	Nguyễn Bích Liên	Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM	2016	Hệ thống thông tin kế toán (CNTT)
99	Systems Analysis and Design: An Object-Oriented Approach with UML	Alan Dennis, Barbara Haley Wixom, David Tegarden	Wiley	2015	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng
100	Object Oriented Analysis and design	P.Krishna Sankar, N.P. Shangaranarayane	Anna University	2016	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng
101	Tập bài giảng Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Trần Minh Tùng	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2018	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng
102	Bài giảng môn Quản trị dự án công nghệ thông tin	Trương Đình Hải Thụy	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2019	Quản trị dự án công nghệ thông tin
103	Microsoft Project 2016	Carl Chatfield, PMP, Timothy Johnson	Microsoft Press	2016	Quản trị dự án công nghệ thông tin
104	Project Management for Information Systems	James Cadle, Donald Yeates	Pearson	2016	Quản trị dự án công nghệ thông tin
105	Software Quality Assurance and Testing for Beginners	Nitin C Shah	Independently published	2019	Kiểm thử phần mềm
106	The Way of the Web Tester A Beginner's Guide to Automating Tests	Jonathan Rasmusson	Pragmatic Bookshelf	2016	Kiểm thử phần mềm
108	Analytics, Data Science, & Artificial Intelligence: Systems for Decision Support	Ramesh Sharda, Dursun Delen, Efraim Turban	Pearson	2019	Hệ hỗ trợ ra quyết định
109	Decision Support, Analytics, and Business Intelligence 3rd edition	Daniel J. Power and Ciara Heavin	Business Expert Press	2017	Hệ hỗ trợ ra quyết định
110	Bài giảng Hệ hỗ trợ ra quyết định	Nguyễn Thị Trần Lộc	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2019	Hệ hỗ trợ ra quyết định

STT	Tên giáo trình/Tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
111	E-Commerce 2021: Business, Technology and Society	Kenneth C.Laudon, Carol Guercio Traver	Pearson Education	2021	Thương mại điện tử
112	Electronic Commerce 2018: A managerial and Social Network Perspective	Efrain Turban, David King, Jae Kyu Lee Ting-Peng Liang, Deborrah C.Turan	Springer International Publishing AG 2018	2018	Thương mại điện tử
113	Bài giảng “Thương mại điện tử”	Nhóm GV Khoa CNTT	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ		Thương mại điện tử
114	Python for Data Analysis: Data Wrangling with pandas, NumPy, and Jupyter 3rd Edition	Wes McKinney	O'Reilly Media	2022	Phân tích dữ liệu
115	A Guide to the Business Analysis Body of Knowledge	International Institute of Business Analysis	International Institute of Business Analysis	2015	Phân tích nghiệp vụ
116	Designing UX: Forms	Jessica Enders	SitePoint	2016	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng
117	Cẩm nang chuyển đổi số	Bộ thông tin và truyền thông	Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông	2021	Chuyển đổi số
118	Responsive Web Design with HTML5 and CSS	Ben Frain	Packt Publishing	2022	Phát triển ứng dụng Web

❖ **Giảng viên tham gia giảng dạy:**

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM - HỌC VỊ	HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY
1.	Lại Văn Nam	Tiến sĩ	Triết học Mác – Lênin Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học
2.	Nguyễn Minh Hiền	Thạc sĩ - GVC	Triết học Mác – Lênin Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học
3.	Ngô Quang Thịnh	Thạc sĩ	Triết học Mác – Lênin Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học
4.	Bùi Thanh Tùng	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị Mác - Lênin

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM - HỌC VỊ	HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY
5.	Nguyễn Ngọc Võ Khoa	Thạc sĩ	Triết học Mác – Lênin Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học
6.	Nguyễn Công Duy	Thạc sĩ	Triết học Mác – Lênin
7.	Lê Ngọc Dũng	Thạc sĩ	Triết học Mác – Lênin
8.	Trần Hạ Long	Thạc sĩ	Triết học Mác – Lênin Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tư tưởng Hồ Chí Minh
9.	Mạch Ngọc Thủy	Thạc sĩ	Triết học Mác – Lênin Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tư tưởng Hồ Chí Minh
10.	Hoàng Thị Mỹ Nhân	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tư tưởng Hồ Chí Minh
11.	Lê Thị Thủy	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
12.	Đoàn Ngọc Phúc	Tiến sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
13.	Ngô Thị Hồng Giang	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
14.	Nguyễn Huy Hoàng	Tiến sĩ	Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
15.	Nguyễn Văn Phong	Thạc sĩ	Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
16.	Nguyễn Tuấn Duy	Tiến sĩ	Toán cao cấp
17.	Ngô Thái Hưng	Tiến sĩ	Toán cao cấp
18.	Tô Thị Đông Hà	Thạc sĩ, NCS	Pháp luật đại cương
19.	Thái Thị Tường Vi	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương
20.	Bảo Trung	Tiến sĩ	Nguyên lý Marketing
21.	Nguyễn Anh Tuấn	Tiến sĩ	Nguyên lý Marketing
22.	Nguyễn Minh Hằng	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
23.	Thái Trần Văn Hạnh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
24.	Trần Thị Thanh Nga	Tiến sĩ	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
25.	Nguyễn Xuân Dũng	Thạc sĩ	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
26.	Vũ Thanh Tùng	Thạc sĩ	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
27.	Nguyễn Thị Diễm	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
28.	Đoàn Quang Định	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
29.	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
30.	Đặng Nguyễn Phương Thảo	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 3, 4
31.	Trần Nhân Phúc	Tiến sĩ	Quản trị học
32.	Phạm Thị Ngọc Mai	Tiến sĩ	Quản trị học
33.	Trần Nhân Phúc	Tiến sĩ	Quản trị học
34.	Võ Thị Trúc Đào	Thạc sĩ	Kế toán tài chính 1
35.	Phan Thị Huyền	Thạc sĩ	Kế toán tài chính 1
36.	Phạm Huỳnh Lan Vi	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính 1,

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM - HỌC VỊ	HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY
37.	Trần Thị Nguyệt Nga	Thạc sĩ	Kế toán tài chính 1
38.	Trương Thành Công	Tiến sĩ	An toàn thông tin, Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng, Phát triển ứng dụng Web, Phân tích dữ liệu, Chuyển đổi số
39.	Vũ Thị Thanh Hương	Thạc sĩ	Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu SQL Server, Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu Oracle
40.	Trương Đình Hải Thụy	Thạc sĩ	Quản trị dự án công nghệ thông tin, Kế toán máy 1, Kế toán máy 2, Tin học ứng dụng, Phân tích nghiệp vụ, Kiểm thử phần mềm
41.	Bùi Mạnh Trường	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị dự án công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, Hệ hỗ trợ ra quyết định
42.	Nguyễn Thanh Bình	Thạc sĩ	Cơ sở lập trình, Toán rời rạc, Tin học ứng dụng, Phân tích nghiệp vụ
43.	Nguyễn Thanh Trường	Thạc sĩ	Lập trình Java, Lập trình C# cơ bản, Lập trình C# nâng cao, Tin học ứng dụng
44.	Trần Thanh San	Thạc sĩ	Cơ sở lập trình, Lập trình C# cơ bản, Lập trình C# nâng cao, Tin học ứng dụng, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
45.	Nguyễn Quốc Thanh	Thạc sĩ	Toán rời rạc, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu SQL Server, Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu Oracle, Tin học ứng dụng
46.	Lê Thị Kim Thoa	Thạc sĩ	Kế toán máy 1, Kế toán máy 2, Hệ thống thông tin kế toán (CNTT), Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server, Tin học ứng dụng
47.	Trần Trọng Hiếu	Thạc sĩ	Cơ sở lập trình, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Tin học ứng dụng
48.	Nguyễn Thị Trần Lộc	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng; Khai phá dữ liệu, Thương mại điện tử, Quản trị dự án công nghệ thông tin, Hệ hỗ trợ ra quyết định, Tin học ứng dụng
49.	Huỳnh Ngọc Thành Trung	Thạc sĩ	Kế toán máy 1, Hệ thống thông tin kế toán (CNTT), Kế toán máy, Tin học ứng dụng
50.	Trần Anh Sơn	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý, Thương mại điện tử, Phân tích nghiệp vụ
51.	Lâm Hoàng Trúc Mai	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng; Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin
52.	Phạm Thủy Tú	Tiến sĩ	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin, Phân tích thiết kế hướng đối tượng, Lập trình trên thiết bị di động

Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
		Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
010025	Toán cao cấp	I				R					
011322	Tin học ứng dụng		R								
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp											
2.1 Kiến thức cơ sở ngành											
010031	Kinh tế vi mô 1	I				R				R	
010032	Kinh tế vĩ mô 1	I				R				R	
010038	Nguyên lý kế toán	R				R					
010043	Toán rời rạc	R				R					
010630	Nguyên lý marketing	I				R				R	
010033	Quản trị học	I				I					R
010873	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	I				R				M	
011140	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	I				R					
2.2 Kiến thức ngành											
010045	Hệ thống thông tin quản lý			M	M			M	R	M	M
010069	Cơ sở lập trình			M	M			M	R	M	M
010070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			M	M			M	R	M	M
010071	Cơ sở dữ liệu			M	M			M	R	M	M
011691	Mạng và truyền thông			M	M			M	R	M	M
011643	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin			M	M			M	R	M	M
010648	An toàn thông tin			M	M			M	R	M	M
010591	Điện toán đám mây			M	M			M	R	M	M
011692	Phân tích nghiệp vụ			M	M			M	R	M	M
2.3 Kiến thức chuyên ngành Tin học quản lý											
011693	Lập trình C#.NET cơ bản			M	M			M	M	M	M
011694	Lập trình C#.NET nâng cao			M	M			M	M	M	M
011695	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp			M	M			M	M	M	M
010688	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu SQL Server			M	M			M	M	M	M
011660	Thực hành nghề nghiệp			M	M			M	M	M	M
010588	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (nhóm tự chọn I)			A	A			A	M	M	M
010580	Thiết kế giao diện và trải			A	A			A	M	M	M

Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
		Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
	nghiệm người dùng (nhóm tự chọn 1)										
010592	Khai phá dữ liệu (nhóm tự chọn 1)			A	A			A	M	M	M
010685	Hệ hỗ trợ ra quyết định (nhóm tự chọn 1)			A	A			A	M	M	M
010585	Lập trình Java (nhóm tự chọn 2)			A	A			A	M	M	M
010720	Lập trình trên thiết bị di động (nhóm tự chọn 2)			A	A			A	M	M	M
011696	Lập trình Web cơ bản (nhóm tự chọn 2)			A	A			A	M	M	M
011697	Lập trình Web nâng cao (nhóm tự chọn 2)			A	A			A	M	M	M
2.4 Kiến thức chuyên ngành Hệ thống thông tin kế toán											
011698	Kế toán máy 1			M	M			M	M	M	M
011699	Kế toán máy 2			M	M			M	M	M	M
011700	Lập trình Kế toán cơ bản			M	M			M	M	M	M
011701	Hệ thống thông tin kế toán (CNTT)			M	M			M	M	M	M
010688	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server			M	M			M	M	M	M
010697	Kế toán tài chính 1			M	M			M	M	M	M
011702	Lập trình Kế toán nâng cao			A	A			M	M	M	M
011648	Thực hành nghề nghiệp			M	M			M	M	M	M
011695	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng (Tự chọn)			A	A			A	M	M	M
010588	Phân tích và thiết hướng đối tượng (tự chọn)			A	A			A	M	M	M
2.5 Kiến thức bổ trợ											
011674	Phân tích dữ liệu			R	R			R		M	
010869	Thương mại điện tử			R	R			R		M	
011650	Kiểm thử phần mềm			R	R			R		M	
011703	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu Oracle			R	R			R		M	
011649	Quản trị dự án công nghệ			R	R			R		M	

Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
		Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
	thông tin										
011711	Chuyển đổi số			R	R			R		M	
III. Tốt nghiệp											
011704	Khóa luận tốt nghiệp			A	A			A	M	M	M
Hoặc											
011705	Thực tập cuối khóa			A	A			A	M	M	M
011709	Học phần thay thế: Phát triển ứng dụng Web			A	A			A	M	M	M

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

13. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

13.1 Triết học Mác-Lênin

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp xác lập thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin cho sinh viên. Sau khi lĩnh hội tri thức Triết học Mác-Lênin, sinh viên tự tin vào năng lực tư duy lý luận của mình để từng bước nhận thức về bản thân, đánh giá các sự vật, sự việc, các vấn đề trong công việc một cách khách quan trong sự vận động, biến đổi, phát triển của chúng

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm đưa đến ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của môn học và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động

nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra. Học phần giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R)

13.2 Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Triết học Mác Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Có kiến thức lý luận căn bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở đó tiếp cận các môn khoa học kinh tế ngành và các môn khoa học khác. Có khả năng phân tích, giải thích, so sánh được và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Từ đó xây dựng niềm tin lý tưởng cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường. Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Lý luận của Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước. Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: : PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R)

13.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên phân tích được những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; vận dụng kiến thức đã học để giải thích những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xác lập căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của các thế lực phản động đối với Đảng, Nhà nước, chủ nghĩa xã hội; hình thành thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, từ đó, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam..

▪ *Tóm tắt nội dung:* Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên

phạm vi toàn thế giới. Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R)

13.4 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng: Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm những nội dung cụ thể sau: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R)

13.5 Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần sinh viên trình bày được sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời cho đến nay; Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Qua đó, giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và của dân tộc; xây dựng thái độ chính trị đúng đắn; củng cố, bồi đắp niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một học phần thuộc

các môn khoa học lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R)

13.6 Pháp luật đại cương

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, biết tìm kiếm và vận dụng những quy phạm pháp luật có liên quan để xử lý các vấn đề pháp lý thông dụng. Từ đó, người học có nền tảng kiến thức vững vàng để học tiếp các học phần pháp luật khác; đồng thời, hình thành ý thức pháp luật tốt trong công việc và đời sống.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần gồm hai phần: phần đầu chuyển tải các vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật (như nguồn gốc, bản chất, thuộc tính, chức năng; hình thức của nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý). Phần 2 cung cấp khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh... và nội dung cơ bản của các chế định quan trọng của một số ngành luật thuộc lĩnh vực pháp luật tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R)

13.7 Tiếng Anh tổng quát 1

Tín chỉ: 3

❖ Điều kiện tiên quyết: Đạt điểm thi Tiếng Anh đầu vào TOEIC ≥ 300

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về ngữ pháp cùng với nguồn từ vựng phong phú về các chủ đề như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm, để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp (A2-B1), vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tiếng Anh tổng quát 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

13.8 Tiếng Anh tổng quát 2

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ trung cấp (B1), vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tiếng Anh tổng quát 2 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như giải trí, sức khỏe, thực phẩm, tệ nạn xã hội và thể giới tự nhiên.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

13.9 Tiếng Anh tổng quát 3

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiền trung cấp vào việc thiết kế các cuộc phỏng vấn ngắn, giải quyết các tình huống trong công việc; áp dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc về môi trường kinh doanh. Bên cạnh đó, các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc thực tế như đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và giải quyết các vấn đề giao tiếp thông thường, từ đó sinh viên phát huy thái độ tích cực, chủ động, đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tiếng Anh tổng quát 3 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn sau khi đã hoàn thành chương trình của học phần Tiếng Anh tổng quát 1 và học phần Tiếng Anh tổng quát 2. Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức giao tiếp thực tế trong môi trường làm việc thể hiện qua nội dung trong các bài tập tình huống cụ thể tại công sở, cung cấp kiến thức từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả công việc, giới thiệu bản thân trong buổi phỏng vấn xin việc, mô tả về công ty, mô tả về sản phẩm, các hoạt động liên quan đến marketing, tài chính, kinh doanh quốc tế ... Sinh viên hiểu và vận dụng được từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

13.10 Tiếng Anh tổng quát 4

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 3

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên phát triển và vận dụng tốt các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiên trung cấp thông qua việc thực hành tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, như giới thiệu bản thân một cách tự tin trong các cuộc phỏng vấn việc làm, xử lý các tình huống trong công việc; vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc, và phát triển sự hiểu biết của sinh viên về thế giới kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên phát triển kỹ năng thực tế bao gồm đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và cách xử lý tốt nhất các vấn đề giao tiếp thông qua các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm, từ đó xây dựng cho sinh viên thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tiếng Anh tổng quát 4 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần này cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả vị trí việc làm, mô tả về thị trường và nhu cầu của thị trường, công việc sản xuất; các hoạt động liên quan đến marketing; tài chính; kinh doanh quốc tế; môi trường làm việc. Sinh viên được trang bị từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

13.11 Toán cao cấp

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức về cơ sở toán học, vận dụng các công cụ toán trong phân tích kinh tế và tài chính. Nắm vững kiến thức nền tảng để nghiên cứu và áp dụng trong các học phần tiếp theo.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần tập trung vào các nội dung về kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (R)

13.12 Tin học ứng dụng

Tín chỉ: 4

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên phát triển nâng cao các kỹ năng số cần thiết như soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật; thiết kế báo cáo khoa học đạt chuẩn; soạn bài thuyết trình ấn tượng; khai thác xử lý dữ liệu với bảng tính, tìm kiếm tài liệu trên Internet hiệu quả, từ đó ứng dụng vào những hoạt động học tập cũng như làm việc sau này. Bên cạnh đó, sinh viên còn vận dụng được các kiến thức và kỹ năng cần thiết như khai thác sử dụng không gian đám mây (cloud); sử dụng các phần mềm trực tuyến (online app); thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến (online survey) và thu thập, xử lý kết quả khảo sát để thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tin học ứng dụng phát triển kỹ năng soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật, đúng quy cách; trình bày báo cáo khoa học; soạn bài thuyết trình ấn tượng; xử lý dữ liệu với bảng tính, phân tích dữ liệu, tìm kiếm tài liệu trên Internet. Thông qua học phần này, người học có thể phát triển các kỹ năng số như khai thác không gian đám mây; sử dụng các phần mềm trực tuyến; thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học các kiến thức thích ứng Cách mạng công nghiệp 4.0 như chuyển đổi số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật và các công nghệ nổi bật khác trong kỷ nguyên số. Bên cạnh đó, học phần Tin học ứng dụng đảm bảo cung cấp các kiến thức hỗ trợ chuẩn đầu ra Tin học của trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2 (R)

13.13 Kinh tế vi mô 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các khái niệm cung cầu, cách thức ra quyết định của người tiêu dùng, sự vận hành của các loại thị trường; Cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trong các loại thị trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Kinh tế vi mô tập trung vào một số nội dung quan trọng như những vấn đề kinh tế cơ bản về thị trường: Lý thuyết cầu, cung; Độ co giãn cầu cung, Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết về sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp; Quan hệ cung cầu về lao động, vốn, đất đai trên thị trường các yếu tố đầu vào; Các quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường khác nhau cũng như những hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của Chính phủ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R)

13.14 Kinh tế vĩ mô 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được cách thức vận hành của tổng thể nền kinh tế; nhận biết được những chỉ tiêu đo lường các biến kinh tế vĩ mô; giải thích mối quan hệ tương tác giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đánh giá tác động của các chính sách của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng....

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần kinh tế vĩ mô giới thiệu một số nội dung cơ bản

như Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Tổng cầu và chính sách tài khóa; Tiền tệ và chính sách tiền tệ; Tổng cung và chu kỳ kinh doanh; các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế; Thất nghiệp và lạm phát; Tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái, chính sách thương mại và các phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R)

13.15 Nguyên lý kế toán

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

- Hiểu rõ những nội dung cơ bản về kế toán.
- Vận dụng quy trình và các phương pháp kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

- Có ý thức tuân thủ những nguyên tắc, quy định pháp lý của kế toán. Tự chủ trong việc đưa ra các ý kiến, nhận xét về các tình huống liên quan đến kế toán.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán để phản ánh quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO5 (R)

13.16 Toán rời rạc

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Toán cao cấp, Cơ sở lập trình

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần, sinh viên hiểu được các cơ sở Toán ứng dụng trong tin học, phát biểu được các bài toán, giải quyết được những bài toán ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý nói riêng và trong công nghệ thông tin nói chung.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Toán Rời Rạc bao gồm 3 chương, trước hết làm rõ các khái niệm của cơ sở logic như mệnh đề, các qui luật logic, vị từ và lượng từ. Kế tiếp học phần đi sâu phân tích nội dung lý thuyết tập hợp và phép đếm. Cuối cùng học phần cung cấp các khái niệm liên quan đến đồ thị để làm cơ sở cho các học phần ngành sau này.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO5 (R)

13.17 Nguyên lý Marketing

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về marketing bao gồm khái niệm, vai trò, nguyên tắc, quy trình và các nội dung phối thức marketing. Trên cơ sở các kiến thức căn bản, sinh viên có thể nhận dạng, phân biệt các hoạt động marketing trên thực tế. Bên cạnh đó, sinh viên có thể đề xuất và đánh giá các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cũng có thể phát huy kỹ năng học tập và tự nghiên cứu sâu hơn về marketing cũng như sẵn sàng hướng dẫn hỗ trợ người khác trong việc nghiên cứu và thực hành các hoạt động marketing ở cấp độ căn bản.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung học phần Nguyên lý marketing bao gồm 9 chương, trước hết làm rõ các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm, vai trò, chức năng và quy trình marketing, khái niệm về phối thức marketing, các vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing cũng như các thay đổi của marketing trong bối cảnh hiện tại. Học phần cũng phân tích nội dung các hoạt động marketing như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R)

13.18 Quản trị học

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần, người học hình thành được kiến thức lý thuyết và thực tế tổng quan về hoạt động quản trị của tổ chức như phân tích môi trường quản trị, công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc. Bên cạnh các kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm hướng đến hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị học là học phần nghiên cứu các chức năng quản trị trong tổ chức bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm soát. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Đồng thời, học phần này tạo tiền đề cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức.

Hình thức tổ chức dạy học: sinh viên học lý thuyết trên lớp với giảng viên; đồng thời thực hành những kỹ năng quản trị thông qua các bài tập, thảo luận nhóm với sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO 1(I), PLO 5 (I), PLO 10 (R)

13.19 Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường Tài chính 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu các vấn đề liên quan đến tiền tệ, lạm phát, tín dụng, lãi suất, tỷ giá và các vấn đề liên quan đến hệ thống tài chính; cách thức hoạt động của ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương trong hệ thống tài chính. Sinh viên tính toán và giải quyết được các bài toán kinh tế cơ bản như tính lãi suất, tỷ suất sinh lợi, lựa chọn cơ hội đầu tư cũng như đưa ra được những nhận định cá nhân về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính thông qua các tình huống thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung môn học sẽ khái quát các phạm trù liên quan đến Tài chính – Tiền tệ - Ngân hàng, các thuật ngữ gắn liền với các hoạt động kinh tế diễn ra hàng ngày: Tiền tệ, lãi suất, tín dụng ngân hàng, tỷ giá, lạm phát, vốn,... Bên cạnh thị trường hàng hóa, dịch vụ, còn có các thị trường tài chính, là những cấu phần không thể thiếu trong nền kinh tế và cũng là thị trường tác động mạnh mẽ đến hiệu quả của cả nền kinh tế. Các thị trường này điều tiết dòng vốn cho mọi hoạt động kinh tế, cung cấp thêm cơ hội đầu tư, công cụ phòng vệ rủi ro đồng thời góp phần làm tăng thanh khoản cho cả nền kinh tế. Các thị trường tài chính tiêu biểu gồm: thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu, thị trường tiền tệ, thị trường vốn,... Học phần cũng đưa ra những bài thực hành cơ bản về đầu tư như: tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư, so sánh các cơ hội đầu tư, so sánh giữa lợi ích và rủi ro, đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản giữa trên các tín hiệu thị trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO 1(I), PLO 5 (I), PLO 9 (R)

13.20 Hệ thống thông tin quản lý

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tin học ứng dụng

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ hiểu rõ về các thành phần và khái niệm của hệ thống, hệ thống thông tin, cũng như hệ thống thông tin quản lý. Đồng thời, họ có khả năng phân loại các quyết định và cấp quản lý trong tổ chức và doanh nghiệp. Bên cạnh đó sinh viên sẽ vận dụng được cách tiếp cận và khảo sát hiện trạng và nhu cầu của các quy trình nghiệp vụ để phục vụ việc phân tích và quản lý hệ thống thông tin. Sinh viên có khả năng đề xuất cách tổ chức, xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý trong một doanh nghiệp, bao gồm thiết kế các mô hình dòng dữ liệu, sơ đồ phân cấp chức năng, sơ đồ khối và quy trình nghiệp vụ. Quan trọng hơn, sinh viên sẽ nhận thức về tầm quan trọng của việc tổ chức dữ liệu và hiểu rõ vai trò của dữ liệu đối với các hệ thống thông tin quản lý. Sinh viên sẽ có kỹ năng sử dụng công cụ phần mềm để đặc tả và mô hình hóa các chức năng của hệ thống.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm về hệ thống, hệ thống thông tin và hệ thống thông tin quản lý; Các thành phần của MIS và các loại quyết định theo cấp quản lý trong các tổ chức và doanh nghiệp; Các quy trình nghiệp vụ và các phân hệ của hệ thống như: hệ thống quản lý chuỗi cung ứng (SCM), hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM), hệ thống hoạch định nguồn nhân lực (ERP),...; Cách tiếp cận khi phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý; Cách thức tổ chức dữ liệu và tầm quan trọng của dữ liệu khi ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong các tổ chức và doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO7 (M), PLO8 (R), PLO 9(M), PLO 10(M)

13.21 Cơ sở lập trình

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được các kiến thức cơ sở về thuật toán và chương trình. Phân biệt được đặc điểm ngôn ngữ lập trình; kiến thức cơ sở về thuật toán và chương trình.... Hiểu rõ cú pháp và cách thức hoạt động của các cấu trúc điều khiển, các kỹ thuật lập trình căn bản để giải các bài toán vận dụng cơ bản. Vận dụng được các thao tác trên mảng như khai báo mảng; các thao tác nhập, xuất, truy cập tới 1 phần tử của mảng. Phân biệt các hàm và cách sử dụng hàm, sử dụng chương trình con, ứng dụng đệ quy. Phân biệt kiểu dữ liệu có cấu trúc (struct) và struct; thao tác cơ bản trên struct. Thành thạo các thao tác chính trên solution, project; các thao tác cơ bản khác trên môi trường Visual Studio; phân biệt được các lỗi thông dụng và sửa lỗi cho chương trình. Vận dụng các cấu trúc điều khiển phù hợp cho chương trình; linh hoạt trong việc sử dụng các cấu trúc điều khiển để giải quyết một số bài toán quản lý thực tế trên máy tính.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên (1) những kiến thức cơ bản về lập trình làm nền tảng kiến thức cho các môn học lập trình kế tiếp. Giúp người học làm quen với ngôn ngữ lập trình C++, Visual Studio...như: cửa sổ làm việc, công cụ khai thác, thao tác trên chương trình, sửa lỗi (debug), chạy chương trình và xử lý dữ liệu; (2) Các kiến thức nền căn bản của ngôn ngữ lập trình: khai báo biến, hằng, hàm; kiểu dữ liệu; cấu trúc điều khiển; mảng; cấu trúc; tầm vực hoạt động của biến đến cách thức thiết kế, xây dựng một chương trình cụ thể xử lý được các bài toán thực tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (R), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.22 Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Cơ sở lập trình

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được kiến thức về dữ liệu, giải thuật, mối quan hệ giữa cấu trúc dữ liệu và giải thuật. Hiểu được các thuật toán như thuật toán tìm kiếm, thuật toán sắp xếp và vận dụng các thuật toán này vào các bài toán cụ thể. Biết cách cài đặt các cấu trúc dữ liệu mở rộng. Vận dụng kết hợp cấu trúc dữ liệu và giải thuật trong từng bài toán cụ thể.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Cấu trúc dữ liệu và giải thuật cung cấp cho sinh viên những kiến thức về dữ liệu và giải thuật cũng như mối quan hệ giữa chúng. Phân tích và xác định được dữ liệu, giải thuật, sự kết hợp giữa chúng để giải quyết các bài toán thực tế. Áp dụng được các phương pháp sắp xếp, tìm kiếm vào các chương trình máy tính. Hiểu được tầm quan trọng của tổ chức dữ liệu và giải thuật – hai thành tố quan trọng nhất của một chương trình máy tính. Nội dung thực hành hướng trọng tâm vào cài đặt, thực hiện kiểm thử các cấu trúc dữ liệu, các thuật toán trên các cấu trúc dữ liệu đó.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M),

PLO8 (R), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.23 Cơ sở dữ liệu

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tin học ứng dụng

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được các khái niệm về dữ liệu, thông tin, cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, ứng dụng của cơ sở dữ liệu trong các lĩnh vực khác nhau, các mô hình dữ liệu thông dụng. Biết cách thực hiện chuyển đổi các thành phần và mối quan hệ của mô hình thực thể - kết hợp sang mô hình quan hệ. Áp dụng được các phép toán đại số quan hệ và ngôn ngữ truy vấn SQL để giải quyết yêu cầu truy vấn. Sử dụng được công cụ phần mềm để thực hiện câu lệnh truy vấn, tạo cơ sở dữ liệu, sao lưu và phục hồi cơ sở dữ liệu. Xác định và cài đặt được ràng buộc toàn vẹn dữ liệu, phụ thuộc hàm, bao đóng, phủ tối thiểu, khóa trong cơ sở dữ liệu và chuẩn hóa khi phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu. Xác định được dạng chuẩn và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, tập trung các kiến thức liên quan đến mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ. Sinh viên được học các kiến thức về mô hình thực thể kết hợp, mô hình quan hệ và đại số quan hệ, chuyển đổi mô hình thực thể kết hợp sang mô hình quan hệ, phụ thuộc hàm, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quan hệ và ngôn ngữ truy vấn SQL thông qua các ngôn ngữ con gồm: ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu (DDL), ngôn ngữ thao tác dữ liệu (DML), ngôn ngữ điều khiển dữ liệu (DCL).

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (R), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.24 Mạng và truyền thông

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Tin học ứng dụng.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về mạng máy tính và truyền thông như các yếu tố kỹ thuật cơ bản của hệ thống mạng máy tính, các giao thức trong mô hình TCP/IP, các thiết bị mạng (hub, switch, router...), từ đó có thể khai thác sử dụng các dịch vụ của hệ thống mạng máy tính một cách hiệu quả, đúng yêu cầu kỹ thuật, đúng mục đích sử dụng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần được giảng dạy lý thuyết và thực hành trên phòng máy gồm các nội dung cơ bản như sau: Các đặc trưng và thành phần của các kiểu mạng như LAN, WAN; Các khái niệm liên quan đến mỗi tầng trong mô hình OSI: cách sử dụng các cấu kiện mạng như Cables, NIC, Modems, Repeaters trong quy trình thiết kế một mạng LAN và công việc quản trị mạng. Nội dung thực hành của môn học hướng trọng tâm vào: Cài đặt, cấu hình và sử dụng mạng Intranet; Kết nối và khai thác các dịch vụ mạng Internet; Xây dựng các chính sách bảo mật cơ bản trên mạng Internet và Intranet. Bên cạnh đó, học phần Tin học ứng dụng đảm bảo cung cấp các kiến thức hỗ trợ chuẩn đầu ra Tin học của trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (R), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.25 Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên biết cách tiếp cận để phân tích, thiết kế và cài đặt cơ sở dữ liệu trên các hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác nhau. Sử dụng được các phương pháp và công cụ để phân tích, thiết kế và mô hình hóa hệ thống thông tin. Áp dụng được những kiến thức về kinh tế, quản trị, marketing, tài chính, kế toán, các phương pháp phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu ... để phân tích và thiết kế các hệ thống thông tin tại các tổ chức và doanh nghiệp. Thiết kế được các hệ thống thông tin đáp ứng nhu cầu của các cơ quan và doanh nghiệp, đề xuất các giải pháp để xây dựng và phát triển các hệ thống thông tin tại các cơ quan và doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan các cách tiếp cận khi phân tích và thiết kế hệ thống thông tin; Thông qua các chiến lược phân tích và thiết kế, mô hình hóa dữ liệu ở mức quan niệm như mô hình thực thể kết hợp, từ đó sử dụng bộ các quy tắc chuyển đổi phát triển mô hình ở mức logic như mô hình quan hệ dữ liệu; Tối ưu hóa mô hình quan hệ bằng cách nâng cấp dạng chuẩn; Thực nghiệm cài đặt mô hình ở mức vật lý như cơ sở dữ liệu; Thiết lập các ràng buộc toàn vẹn cho cơ sở dữ liệu và phân quyền truy cập cho người sử dụng; Bên cạnh đó, vấn đề mô hình hóa xử lý như bằng mô hình phân cấp chức năng, mô hình dòng dữ liệu với nhiều cấp độ là nội dung rất quan trọng trong việc phân tích và thiết kế hệ thống thông tin; Các kiến thức về thiết kế giao diện người dùng và xây dựng kịch bản triển khai thực nghiệm cho hệ thống thông tin cũng được đề cập trong nội dung học phần.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (R), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.26 An toàn thông tin**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Mạng và truyền thông
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin. Vận dụng để bảo vệ hệ điều hành trên máy tính cá nhân (MS.Windows), bảo mật thông tin khi làm việc trong Mạng nội bộ Intranet và mạng diện rộng Internet. Có khả năng tổ chức và sử dụng hệ thống Wifi một cách an toàn và bảo mật thông tin đối với hệ thống dữ liệu và phần mềm ứng dụng. Tổ chức giao dịch điện tử một cách an toàn và bảo mật thông qua chữ ký số trên các chứng từ. Thành thạo các thao tác bảo mật trên máy tính, vận dụng phù hợp cho chương trình: linh hoạt trong việc sử dụng phần mềm có sẵn, áp dụng công nghệ để cài đặt kết quả tốt nhất.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết về an toàn và bảo mật các hệ thống thông tin trong thực tiễn theo nhiều cấp độ: Hệ điều hành trên máy tính cá nhân; Mạng nội bộ Intranet; Mạng Internet; Wifi; cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng; Chữ ký số trên các chứng từ giao dịch điện tử.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (R), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.27 Điện toán đám mây**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Mạng và Truyền thông

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản về điện toán phân bố, điện toán đám mây, các mô hình dịch vụ, mô hình triển khai và các vấn đề ứng dụng điện toán đám mây. Bên cạnh đó, sinh viên có khả năng Có khả năng triển khai các dịch vụ cơ bản trên đám mây để giải quyết vấn đề thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết về điện toán đám mây trong thực tiễn như: điện toán phân bố, điện toán đám mây, mô hình nền tảng như một dịch vụ và công nghệ ảo hóa, mô hình nền tảng như một dịch vụ, mô hình phần mềm như một dịch vụ, cũng như một số ứng dụng điện toán đám mây.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (R), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.28 Phân tích nghiệp vụ

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu rõ công việc phân tích nghiệp vụ, các kiến thức về chiến lược, giai đoạn, thành phần và xử lý mà một người phân tích nghiệp vụ. Từ đó có khả năng ứng dụng để phát triển một dự án, tập hợp các kỹ thuật và công việc được sử dụng làm cầu nối liên lạc giữa các bên liên quan có thể hiểu rõ cấu trúc, các chính sách, các hoạt động của tổ chức, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp cho tổ chức.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, thuật ngữ trong phân tích nghiệp vụ; cung cấp mô tả về các hành vi, tính cách, kiến thức, phẩm chất cá nhân hỗ trợ trong công việc phân tích nghiệp vụ. Lập kế hoạch và giám sát hoạt động phân tích nghiệp vụ, hợp tác, quản lý vòng đời, phân tích chiến lược, phân tích yêu cầu và định nghĩa thiết kế, từ đó đánh giá giải pháp thực hiện. Bên cạnh đó, học phần cung cấp các công cụ, các bảng và danh sách các mẫu cần thiết cho công việc phân tích nghiệp vụ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (R), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.29 Lập trình C#.NET cơ bản

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Cơ sở lập trình, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu về các kỹ năng lập trình Visual Studio, ứng dụng được .Net Framework và ứng dụng Microsoft Visual C#, các điều khiển thông dụng trong ứng dụng Windows Form, Lớp và phương thức trong lập trình hướng đối tượng, ... ứng dụng vào những hoạt động học tập lập trình cũng như làm việc sau này. Tính chất ứng dụng được nhấn mạnh thông qua các hệ thống bài tập thực hành, các tình huống, chuyên đề cụ thể. Ngoài ra học phần này còn trang bị cho người

học phát triển các kỹ năng như lập trình hướng đối tượng, lập trình nhóm, xử lý các bài tập tình huống phát sinh.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Lập trình C# cơ bản nhằm phát triển nâng cao kỹ năng lập trình Visual Studio, và ứng dụng Microsoft Visual C#, các điều khiển thông dụng trong ứng dụng Windows Form, Lớp và phương thức ... trong lập trình hướng đối tượng thông qua các hệ thống bài tập thực hành, các tình huống, chuyên đề cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.30 Lập trình C#.NET nâng cao

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Lập trình C#.NET cơ bản, Phân tích thiết kế hệ thống thông tin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên thành thạo cách kết nối và lập trình truy xuất dữ liệu và các đối tượng cơ sở dữ liệu trong các hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Vận dụng được cách truy xuất và thực hiện các thao tác với cơ sở dữ liệu thông qua các đối tượng SqlCommand, SqlDataAdapter..., tạo và thực thi các hàm, thủ tục và khung nhìn được lưu trữ trong SQL Server. Trình diễn dữ liệu và thiết kế các mẫu báo cáo thông qua đối tượng Crystal Report khi triển khai các hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp. Thành thạo kỹ năng lập trình ứng dụng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về lập trình cơ sở dữ liệu dựa trên ngôn ngữ C#.NET kết nối với các hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác nhau như: Access, MySQL, SQL Server; xây dựng và triển khai các dự án trên nền tảng .NET; làm việc thành thạo với ADO .NET, Crystal Report khi triển khai các hệ thống thông tin quản lý trong các doanh nghiệp; có khả năng học hỏi, phối hợp và làm việc nhóm.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.31 Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên đánh giá và nghiên cứu thói quen sử dụng ứng dụng của người dùng, thiết lập các thao tác, tính năng và sự vận hành của ứng dụng, quy trình phát triển và thiết kế UI/UX cho ứng dụng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết về vấn đề thiết kế giao diện như tổng quan về UI/UX, các công cụ phần mềm để thiết kế giao diện ứng dụng, thiết kế giao diện Web, thiết kế giao diện desktop app.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.32 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên hiểu các tính năng, tiện ích và cơ chế đăng nhập, cấu trúc cơ sở dữ liệu SQL Server. Áp dụng được ngôn ngữ truy vấn SQL để viết các câu lệnh thêm, xóa, sửa và hiển thị dữ liệu, tạo được chỉ mục, khung nhìn, thủ tục và hàm ứng dụng trong các cơ sở dữ liệu cụ thể. Thiết lập được kết nối truy xuất theo cơ chế máy chủ và máy trạm trong môi trường nhiều người dùng. Cài đặt các ràng buộc toàn vẹn dữ liệu cho ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu và ngôn ngữ thao tác dữ liệu. Thiết lập các cơ chế sao lưu, phục hồi cơ sở dữ liệu và quản trị người dùng. Sử dụng các công cụ phần mềm để tạo, quản lý và truy xuất dữ liệu.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ quản trị cơ sở dữ liệu (HQTCSDL), vai trò, chức năng và thành phần của HQTCSDL. Học phần sử dụng HQTCSDL SQL Server để quản trị một hệ cơ sở dữ liệu bao gồm thiết kế, phát triển, quản trị, sử dụng và tạo mới các đối tượng do HQTCSDL hỗ trợ, quản lý giao tác, quản lý tài khoản người dùng, phân quyền, sao lưu và phục hồi hệ thống. Học phần này còn trang bị cho sinh viên ngôn ngữ lập trình SQL để cài đặt các khung nhìn, thủ tục, hàm, bất lỗi, định nghĩa các hàm mới trong xử lý dữ liệu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.33 Thực hành nghề nghiệp

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Các học phần cơ sở ngành

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Thực hành nghề nghiệp là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo đối với sinh viên ngành Hệ thống thông tin quản lý nhằm củng cố những kiến thức chuyên ngành đã được trang bị, vận dụng các kiến thức đó vào thực tế. Học phần này giúp người học tổng hợp tất cả các kiến thức đã được học và liên hệ với thực tiễn, tiếp xúc với môi trường thực tế đang hoạt động. Từ đó góp phần nâng cao ý thức học tập và định hướng cho tương lai của người học.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần này người học phải liên hệ với các đơn vị đang hoạt động để vào học tập thực tế; tìm hiểu về các hệ thống thông tin đang triển khai tại đơn vị; xác định vấn đề đơn vị đang gặp phải và đề xuất một giải pháp hỗ trợ hoạt động tại doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.34 Phân tích và thiết kế hướng đối tượng

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên xác định được các giai đoạn khi phân tích và thiết kế theo cách tiếp cận hướng đối tượng, cách tiếp cận hướng đối tượng khi phân tích và thiết kế hệ thống. Hiểu các thành phần và tính chất của mô hình hướng đối tượng. Áp dụng các phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống theo ngôn ngữ UML. Thiết kế các sơ đồ lớp, sơ đồ cộng tác, sơ đồ tuần tự... của hệ thống. Cài đặt các ràng buộc toàn vẹn dữ liệu khi xây dựng sơ đồ lớp đối tượng. Sử dụng công cụ phần mềm để phân tích, thiết kế và mô hình hóa hệ thống.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm và các tính chất của mô hình hướng đối tượng; Các thành phần của mô hình hướng đối tượng như: đối tượng, lớp đối tượng, thuộc tính, phương thức và quan hệ giữa các lớp đối tượng; Phương pháp phân tích và thiết kế bài toán theo hướng đối tượng theo ngôn ngữ UML; Phương pháp thiết kế và đặc tả sơ đồ lớp, sơ đồ cộng tác, sơ đồ tuần tự,... thông qua các khung nhìn khác nhau của hệ thống; Thực hành trên phần mềm chuyên dụng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (A), PLO4 (A), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.35 Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Hệ thống thông tin quản lý

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, thuật ngữ căn bản trong lĩnh vực ERP; các khái niệm về hệ thống doanh nghiệp, kiến trúc và vai trò của hệ thống doanh nghiệp; mô hình và các bước triển khai hệ thống ERP. Sinh viên có khả năng xác định, phân tích và mô tả các quy trình nghiệp vụ điển hình trong doanh nghiệp và áp dụng trên hệ thống thực tế, có khả năng tham gia vào đội ngũ triển khai và tư vấn hệ thống ERP

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản trong lĩnh vực hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp: các khái niệm, thuật ngữ căn bản; trang bị các kiến thức nền tảng về hệ thống doanh nghiệp (Enterprise Systems) như: kiến trúc, vai trò, các loại hệ thống doanh nghiệp, các loại dữ liệu; trình bày chi tiết về các quy trình kinh doanh chủ chốt trong doanh nghiệp: các bước cơ bản trong quy trình, luồng thông tin, tác động tài chính, vai trò. Bên cạnh đó cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan, sự tích hợp giữa các quy trình này trong hệ thống ERP. Ngoài các kiến thức nền tảng, sinh viên được tiếp cận với các hệ thống ERP thực tế đang được các doanh nghiệp sử dụng và triển khai.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (A), PLO4 (A), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.36 Khai phá dữ liệu

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, lịch sử phát triển, vai trò của khai phá dữ liệu trong kinh tế, mô hình khai phá dữ liệu. Phân biệt cấu trúc, mô hình, cách xây dựng kho dữ liệu. Phân tích dữ liệu và lựa chọn được các phương pháp tiền xử lý dữ liệu. Vận dụng các phương pháp trong khai phá dữ liệu: phương pháp hồi quy tuyến tính, phương pháp gom cụm, phương pháp khai phá luật kết hợp bằng cây quyết định, phương pháp khai phá luật kết hợp vào bài toán kinh tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về Business Intelligent (BI), vai trò, cấu trúc của khai phá dữ liệu trong mô hình BI, các khái niệm về kho dữ liệu, data cube, metadata,... quy trình khai phá dữ liệu, các thuật toán để khai phá dữ liệu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (A), PLO4 (A), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.37 Hệ hỗ trợ ra quyết định

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, đặc điểm, kiến trúc, vai trò của hệ hỗ trợ ra quyết định trong kinh tế. Phân biệt cấu trúc, mô hình các hệ hỗ trợ ra quyết định, mô tả quy trình của hệ hỗ trợ ra quyết định. Phân tích dữ liệu và lựa chọn được các mô hình hỗ trợ ra quyết định. Vận dụng các kỹ thuật định lượng trong hệ hỗ trợ ra quyết định như: Cây quyết định, Bảng quyết định, Cây thứ bậc (AHP), Phân tích What – If, Phân tích độ nhạy, Phân tích thống kê, Mô phỏng, Dự báo, giải bài toán Tối ưu trong kinh tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm về hệ hỗ trợ ra quyết định, cấu trúc hệ hỗ trợ quyết định, các mô hình và công cụ phần mềm hỗ trợ ra quyết định; cách thức phát triển ứng dụng hệ hỗ trợ quyết định giải quyết các bài toán trong thực tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (A), PLO4 (A), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.38 Lập trình Java

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Lập trình C#.Net nâng cao, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên biết sử dụng ngôn ngữ Java đặc biệt là lập trình hướng đối tượng; hiểu được các ứng dụng và môi trường lập trình, máy ảo và JDK; Làm việc thành thạo và thao tác trên lớp, đối tượng và phương thức, thiết kế giao diện bằng ngôn ngữ Java; Ứng dụng được kế thừa và áp dụng tính đa hình trong khi thiết kế và viết chương trình; Hiểu được các kiến thức cơ bản về luồng, thiết lập và xử lý luồng, áp dụng để xử lý cơ bản tập tin; Kết nối và xây dựng các ứng dụng cơ sở dữ liệu; Có khả năng học hỏi, phối hợp và làm việc nhóm.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản của ngôn ngữ lập trình Java bao gồm các nội dung: giới thiệu tổng quan về ngôn ngữ Java, làm việc với luồng và tập tin, lập trình hướng đối tượng trong Java, làm việc với giao diện và cơ sở dữ liệu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (A), PLO4 (A), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.39 Lập trình trên thiết bị di động

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Cơ sở dữ liệu

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên hiểu và ứng dụng được các kiến thức cơ bản về lập trình trên thiết bị di động trên nền tảng các hệ điều hành Android,

Windows Mobile, iOS, ... nói chung và hệ điều hành Android nói riêng.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về lập trình mobile bao gồm: Cách cài đặt và cấu hình hệ thống, sử dụng thành thạo các cửa sổ làm việc và các tiện ích hỗ trợ tích hợp trong hệ điều hành thao tác, kỹ năng phân tích yêu cầu ứng dụng, vận dụng thiết kế giao diện phù hợp, lựa chọn các cấu trúc điều khiển – kiểu dữ liệu và thuật toán phù hợp để giải quyết yêu cầu, tích hợp xây dựng cơ sở dữ liệu để lưu trữ và thao tác đối với các bài toán yêu cầu bộ dữ liệu lớn; tìm hiểu chi tiết về hệ điều hành Android, cơ chế vận hành, các kiến thức nền tảng để xây dựng một chương trình trên hệ điều hành Android.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (A), PLO4 (A), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.40 Lập trình Web cơ bản

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Cấu trúc dữ liệu & giải thuật

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được các kiến thức và kỹ năng cơ bản để xây dựng một ứng dụng Web. Sinh viên vận dụng được các kiến thức nền tảng về ứng dụng web để bước đầu phát triển ứng dụng web cơ bản, từ đó sinh viên có thể tự tìm hiểu các công nghệ lập trình Web khác.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản để xây dựng ứng dụng Web: Tổng quan về lập trình web và các công nghệ liên quan, .Net framework, xây dựng webapp đơn giản, kết nối cơ sở dữ liệu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (A), PLO4 (A), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.41 Lập trình Web nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Lập trình Web cơ bản

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng ứng dụng được kiến thức và kỹ năng chuyên sâu để xây dựng một ứng dụng Web. Đồng thời sinh viên vận dụng được các kiến thức nâng cao về ứng dụng web để sinh viên có thể tự tìm hiểu các công nghệ lập trình web khác.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng chuyên sâu để xây dựng ứng dụng Web: phát triển chức năng quản lý trên ứng dụng Web, xây dựng một Website hoàn chỉnh.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (A), PLO4 (A), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.42 Kế toán máy 1

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên thành thạo phân tích dữ liệu,

cài đặt nguyên tắc dữ liệu, hệ thống hàm của MS Excel, lập trình VBA để thiết lập các sổ sách kế toán.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành trên Excel, lập trình VBA trong Excel ứng dụng vào công tác kế toán.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.43 Kế toán máy 2

Tín chỉ: 2

- ❖ Học phần học trước: Kế toán máy 1

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên thành thạo phân tích dữ liệu, thành thạo các nghiệp vụ trên phần mềm kế toán MISA SME.NET, Care Accounting.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành trên các phần mềm kế toán chuyên nghiệp gồm: MISA SME.NET và Care Accounting.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.44 Lập trình kế toán cơ bản

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên có kỹ năng lập trình WinForms trên .NET dùng ngôn ngữ lập trình C#.NET, phân tích và tổ chức các hệ thống thông tin nghiệp vụ kế toán trên các WinForms ở cấp độ căn bản (tổng quát). Lập trình phát triển được WinApp đơn giản dùng C#.NET trên công nghệ .NET Framework hỗ trợ các chức năng nghiệp vụ kế toán đơn giản trong thực tiễn, lập trình phát triển được WinApp dùng C#.NET trên công nghệ .NET Framework với CSDL SQL Server hỗ trợ các chức năng quản lý đối tượng kế toán tương ứng với một số phân hệ cơ bản trong lĩnh vực kế toán trong thực tiễn, biết cách tổ chức xây dựng hệ thống cài đặt và triển khai hệ thống WinApp kế toán vào thực tiễn sử dụng.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần Lập trình kế toán cơ bản trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng lập trình phát triển phần quản lý đối tượng kế toán đối với một số phân hệ cơ bản trong lĩnh vực kế toán dạng WinForms có cơ sở dữ liệu trên MS. SQL Server, dùng ngôn ngữ lập trình C#.NET trên bộ công cụ MS. Visual Studio .NET với hệ thống thư viện .NET Framework.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.45 Hệ thống thông tin kế toán (CNTT)

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Cơ sở dữ liệu

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu các

ng nghiệp vụ của đơn vị và đánh giá tính khả thi của dự án hệ thống thông tin kế toán, các vấn đề cơ bản liên quan đến dự án phát triển hệ thống thông tin kế toán, các mô hình phát triển hệ thống thông tin và lựa chọn mô hình phù hợp với ngữ cảnh của dự án. Vận dụng được các công cụ hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin kế toán.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng liên quan về hệ thống, hệ thống thông tin, hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp, tổ chức và kiểm soát các hệ thống này trong điều kiện và ngữ cảnh của công nghệ thông tin. Thông qua các chương của học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức chung về hệ thống thông tin kế toán, lập tài liệu hệ thống, ứng dụng phần mềm kế toán trong các chu trình kế toán.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.46 Lập trình kế toán nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Lập trình kế toán cơ bản, Hệ quản trị CSDL SQL Server

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu và ứng dụng vào việc phân tích và tổ chức các hệ thống thông tin nghiệp vụ kế toán trên các WinForms ở cấp độ chuyên môn - nghiệp vụ trong các phân hệ kế toán cụ thể. Biết cách hoạch định & thực hiện việc mở rộng một hệ thống thông tin kế toán thực tiễn trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS. SQL Server sang cấp độ chuyên môn - nghiệp vụ trong các phân hệ kế toán cụ thể (từ cấp độ tổng quát). SV lập trình phát triển được WinApp dùng C#.NET trên công nghệ .NET Framework với CSDL SQL Server hỗ trợ một số phân hệ nghiệp vụ kế toán cụ thể trong thực tiễn.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Lập trình kế toán nâng cao trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng lập trình phát triển phần nghiệp vụ kế toán đối với một số phân hệ cơ bản trong lĩnh vực kế toán dạng WinForms có cơ sở dữ liệu trên MS. SQL Server, dùng ngôn ngữ lập trình C#.NET trên bộ công cụ MS. Visual Studio .NET với hệ thống thư viện .NET Framework.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (A), PLO4 (A), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.47 Kế toán tài chính 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, nguyên tắc, tổ chức công tác kế toán và môi trường pháp lý trong lĩnh vực kế toán tài chính. Phân biệt được các đối tượng kế toán trong lĩnh vực kế toán tài chính. ận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để thực hiện các quy trình kế toán cơ bản trong doanh nghiệp. Kiểm tra được việc ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính. Đề xuất quy trình cơ bản để xử lý nghiệp vụ kế toán đối với các tình huống được giả định trong lĩnh vực kế toán tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản

về khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc và phương pháp kế toán (trình tự thủ tục xử lý, luân chuyển chứng từ, ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính) của các đối tượng: vốn bằng tiền, nợ phải thu và tạm ứng; hàng tồn kho; tài sản cố định và bất động sản đầu tư; nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.48 Phân tích dữ liệu

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học học phần này, sinh viên hiểu và ứng dụng được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để xử lý, thao tác, phân tích và trực quan hóa các kết quả dựa trên bộ dữ liệu. Sinh viên sử dụng được ngôn ngữ lập trình thông dụng trong lĩnh vực khoa học dữ liệu là ngôn ngữ Python.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản để phân tích dữ liệu như các kiến thức tổng quan về phân tích dữ liệu, ngôn ngữ lập trình Python, tiền xử lý dữ liệu, phân tích và trực quan dữ liệu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (R), PLO4 (R), PLO7 (R), PLO9 (M).

13.49 Thương mại điện tử

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu, Mạng và truyền thông

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sinh viên hiểu được các mô hình thương mại điện tử, các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử. Phân biệt được sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, an toàn trong thương mại điện tử và vấn đề thanh toán trực tuyến.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về thương mại điện tử, bao gồm: tổng quan về thương mại điện tử, cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử; các công nghệ trong thương mại điện tử, vấn đề Marketing trực tuyến, thanh toán điện tử, bảo mật và an ninh thương mại điện tử.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (R), PLO4 (R), PLO7 (R), PLO9 (M).

13.50 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp cho sinh viên hiểu kiến trúc hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle; cấu trúc luận lý và cấu trúc vật lý của cơ sở dữ liệu của Oracle; Quản lý các tiện ích và các dịch vụ liên quan cơ sở dữ liệu; Áp dụng Ngôn ngữ PL/SQL để truy xuất và thao tác cơ sở dữ liệu và các đối tượng cơ sở dữ liệu trong Oracle; Cách

thức truy xuất cơ sở dữ liệu và các đối tượng cơ sở dữ liệu trong môi trường nhiều người dùng; Phát hiện và cài đặt các ràng buộc toàn vẹn dữ liệu; Cách xử lý các giao dịch truy xuất đồng thời và truy xuất từ điển dữ liệu của hệ thống.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle; cấu trúc luận lý và cấu trúc vật lý của cơ sở dữ liệu của Oracle; Quản lý các tiện ích và các dịch vụ liên quan cơ sở dữ liệu; Ngôn ngữ PL/SQL để truy xuất và thao tác cơ sở dữ liệu và các đối tượng cơ sở dữ liệu trong Oracle; Cách thức truy xuất cơ sở dữ liệu và các đối tượng cơ sở dữ liệu trong môi trường nhiều người dùng; Phát hiện và cài đặt các ràng buộc toàn vẹn dữ liệu; Cách xử lý các giao dịch truy xuất đồng thời và truy xuất từ điển dữ liệu của hệ thống.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (R), PLO4 (R), PLO7 (R), PLO9 (M)

13.51 Kiểm thử phần mềm

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu SQL Server

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên hiểu các khái niệm liên quan đến kiểm thử phần mềm, quy trình kiểm thử, phân loại được các kỹ thuật kiểm thử. Sử dụng các công cụ kiểm thử tự động.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kiểm thử phần mềm, các quy trình kiểm thử, các trường hợp kiểm thử, cách sử dụng các công cụ kiểm thử kết hợp với quy trình để tiến hành kiểm thử các chức năng của phần mềm; Lập kế hoạch kiểm thử và tài liệu kiểm thử; Tổ chức và quản lý hoạt động kiểm thử phần mềm.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (R), PLO4 (R), PLO7 (R), PLO9 (M)

13.52 Quản trị dự án công nghệ thông tin

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Hệ thống thông tin quản lý

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần giúp sinh viên hiểu các khái niệm về dự án, dự án phần mềm, phân loại dự án và các yếu tố chính ảnh hưởng đến dự án, các giai đoạn xây dựng một dự án phần mềm. Xây dựng đề cương dự án phần mềm. Sử dụng các phương pháp và công cụ để lập kế hoạch và triển khai dự án phần mềm thông qua sơ đồ Pert, sơ đồ Gantt. Theo dõi tiến độ, thời gian, tỷ lệ phần trăm công việc được lập kế hoạch trong dự án phần mềm theo ngày, tuần, tháng, năm, công việc hoàn thành, chưa hoàn thành, công việc chính trên đường Gantt, công việc ngoài đường găng. Đề xuất các giải pháp quản trị rủi ro và ước lượng chi phí dự án khi triển khai một dự án phần mềm phục vụ các hoạt động của doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm về dự án, quản trị dự án và dự án phần mềm, các yếu tố liên quan đến dự án và các giai đoạn triển khai một dự án phần mềm; công việc khảo sát hiện trạng và yêu cầu của doanh nghiệp; đánh giá hiện trạng hệ thống dựa trên hiện trạng, yêu cầu chức năng và phi chức năng; bố cục xây dựng đề cương và các phương án triển khai dự án phần mềm; cách tổ chức và triển

khai dự án thông qua nghiên cứu khả thi, phân loại dự án và đề xuất các phương án phù hợp; cách lập kế hoạch và lập tiến độ dự án thông qua sơ đồ Pert, sơ đồ Gantt; điều chỉnh nhân sự và tiến độ dự án; các rủi ro và đề ra những biện pháp quản lý phù hợp đồng thời đánh giá và ước lượng chi phí dự án phần mềm.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (R), PLO4 (R), PLO7 (R), PLO9 (M)

13.53 Chuyển đổi số

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Quản trị học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về chuyển đổi số, các công nghệ và ứng dụng liên quan, phân tích được các xu hướng và thách thức trong lĩnh vực chuyển đổi số, từ đó sẽ có khả năng đánh giá và lựa chọn các giải pháp chuyển đổi số phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần chuyển đổi số tập trung vào việc giảng dạy các khái niệm cơ bản về chuyển đổi số, các công nghệ và ứng dụng liên quan. Nội dung học phần bao gồm: Khái niệm chuyển đổi số, chiến lược và lộ trình chuyển đổi số doanh nghiệp, công nghệ và ứng dụng, đánh giá hiệu quả của các dự án chuyển đổi số, cũng như xác định các cải tiến cần thiết.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (R), PLO4 (R), PLO7 (R), PLO9 (M)

13.54 Phát triển ứng dụng Web

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên sẽ hiểu được các khái niệm và quy trình trong phát triển ứng dụng web. Họ sẽ thành thạo trong việc sử dụng các công cụ và kỹ thuật hiện đại trong việc xây dựng giao diện động và tương tác trên ứng dụng web. Bên cạnh sinh viên có khả năng phát triển ứng dụng web trong môi trường thực tế. Đồng thời, họ sẽ được khuyến khích tự học để dễ dàng tiếp cận với các công nghệ mới trong tương lai, nhờ vào việc hiểu rõ các nguyên tắc cơ bản và cách thức hoạt động của các công nghệ hiện tại.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho người học các kỹ năng cần thiết để phát triển ứng dụng web. Bắt đầu từ các khái niệm cơ bản và quy trình liên quan đến phát triển ứng dụng web. Tiếp theo đó là các ngôn ngữ lập trình, công cụ và các framework để xây dựng ứng dụng web thực tế. Ngoài ra hệ thống các bài tập giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (A), PLO4 (A), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.55 Khoá luận tốt nghiệp

Tín chỉ: 6

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có kỹ năng và kiến thức để vận dụng những kiến thức lý luận đã được học tại trường để phân tích, kiểm chứng và phát hiện các vấn đề thực tế trong lĩnh vực hệ thống thông tin. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày kết quả của một báo cáo, phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể một cách độc lập. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên có cái nhìn rõ hơn về lý thuyết và thực tiễn, môi trường làm việc thực tế và giúp sinh viên có thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Khóa luận tốt nghiệp là cơ hội giúp sinh viên nhận diện vấn đề thực tế tại doanh nghiệp và đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết vấn đề giúp cải thiện hoặc nâng cao hiệu quả hoạt động tại các tổ chức, doanh nghiệp. Trong học phần này sinh viên vừa thực tập tại đơn vị thực tập và vừa viết báo cáo thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Thông qua học phần này, sinh viên tiếp cận, thích nghi và hòa nhập với môi trường làm việc thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (A), PLO4 (A), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.56 Thực tập cuối khóa

Tín chỉ: 3

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện Thực tập cuối khóa của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên hiểu được quy trình nghiệp vụ hệ thống thông tin quản lý của đơn vị thực tập; tổng hợp được kiến thức và kỹ năng để phân tích, thiết kế một hệ thống thông tin quản lý kinh doanh, thương mại, sản xuất, nhân sự,... cụ thể phục vụ cho hoạt động của đơn vị. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên có cái nhìn rõ hơn về lý thuyết và thực tiễn, môi trường làm việc thực tế và giúp sinh viên có thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức lý luận đã được học tại trường để phân tích, kiểm chứng và phát hiện các vấn đề thực tế. Trong đó, sinh viên thực tập tại doanh nghiệp và trình bày kết quả bằng một báo cáo thực tập cuối khóa. Đây là cơ hội giúp sinh viên nhận diện vấn đề thực tế tại doanh nghiệp và đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết vấn đề giúp cải thiện hoặc nâng cao hiệu quả hoạt động tại các tổ chức, doanh nghiệp. Thông qua học phần này, sinh viên tiếp cận, thích nghi và hòa nhập với môi trường làm việc thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (A), PLO4 (A), PLO7 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M).

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH MARKETING
PGS.TS Phạm Tiến Đạt

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CTĐT**

TS. Trương Thành Công